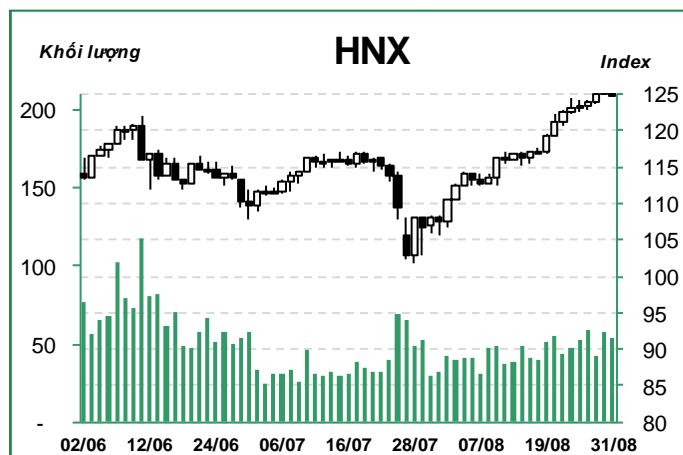
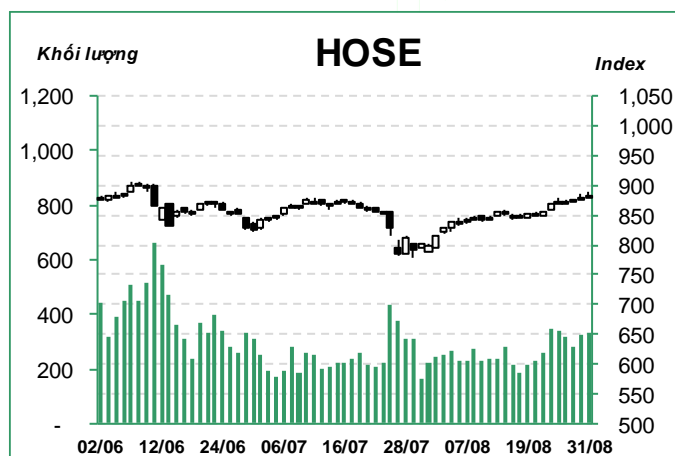


Tổng quan thị trường

31/08/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	881.65	0.30%	823.93	0.24%	124.85	-0.78%
Cuối tuần trước	878.98	0.30%	821.93	0.24%	125.84	-0.78%
Trung bình 20 ngày	856.83	2.90%	795.11	3.62%	119.36	4.60%
Tổng KLGD (triệu cp)	352.65	-11.47%	89.26	-32.98%	68.58	-12.91%
KLGD khớp lệnh	333.31	1.39%	82.42	-19.85%	54.43	-5.26%
Trung bình 20 ngày	265.93	25.34%	74.46	10.69%	46.52	17.00%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	6,328.08	-17.67%	2,651.57	-34.62%	1,011.57	-21.70%
GTGD khớp lệnh	5,651.91	-6.18%	2,386.19	-23.35%	623.06	-7.64%
Trung bình 20 ngày	4,452.23	26.95%	1,986.05	20.15%	537.19	15.98%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	159	35%	14	47%	73	21%
Số mã giảm	255	56%	16	53%	86	24%
Số mã đứng giá	45	10%	0	0%	197	55%



Thị trường có diễn biến rung lắc trong phiên đầu tuần khi nhiều nhóm ngành chịu áp lực bán chốt lời khá mạnh. Trong khi HNX-Index đảo chiều sau chuỗi 8 phiên tăng điểm trước đó, VN-Index vẫn may mắn giữ được sắc xanh nhờ lực đỡ từ một vài cổ phiếu vốn hóa lớn.

Chốt phiên, VN-Index vẫn giữ được sắc xanh và đóng cửa tại mức 881.65 điểm (+0.30%). KLGD khớp lệnh đạt 333.3 triệu cổ phiếu (+1.4%), tương đương 5,652 tỷ đồng giá trị (-6.2%). Thị trường rơi vào tình trạng “xanh vỏ đỏ lòng” khi chỉ số chính tăng điểm nhưng độ rộng thị trường lại nghiêng nhiều hơn về bên bán. Toàn sàn có 255 mã giảm so với chỉ 159 mã tăng.

Dẫn dắt đà tăng chính cho chỉ số hôm nay là Sabeco-SAB khi cổ phiếu này đóng cửa tăng đến 5.2%. Tiếp theo là một số cổ phiếu trụ khác cũng khởi sắc như Vinamilk-VNM (+1.4%), Vietcombank-CTG (+2.4%), Vietnam Airline-HVN (+4.3%) hay Bảo Việt-BVH (+3.9%). Ngoài ra, Becamex IDC-BCM, một cổ phiếu vốn hóa lớn khác vừa chuyển sàn sang HOSE hôm nay cũng đáng chú ý khi tăng trần 20% và đóng góp đáng kể giúp chỉ số giữ được sắc xanh. Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu trụ chịu áp lực điều chỉnh là Vietcombank-VCB (-0.5%), Techcombank-TCB (-1.4%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (-1.7%).

Mặc dù không còn giao dịch thỏa thuận đột biến như trong phiên cuối tuần, khối ngoại vẫn đang duy trì vị thế bán ròng trên HoSE hôm nay với giá trị 287.0 tỷ đồng (-77.2%). Các cổ phiếu được khối này bán ròng nhiều nhất là Vinhomes-VHM (-101.2 tỷ), Vingroup-VIC (-48.2 tỷ) và Vincom Retail-VRE (-47.0 tỷ). Trong khi đó, Petrolimex-PLX (+84.4 tỷ), Vietcombank-CTG (+14.4 tỷ), Vinamilk-VNM (+7.4 tỷ) được khối ngoại tập trung mua vào.

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
TPB	3,330.0	70.60
VHM	861.7	67.67
VPB	2,817.0	63.04
NHH	840.0	46.20
VIC	502.3	46.19
PME	592.0	40.84
HPX	1,391.2	37.01
NVL	490.0	31.12
GMD	1,100.0	25.30
NAF	683.8	15.39
HNX		
VCG	10,000.0	335.00
SHB	2,800.1	39.20
SHS	1,021.9	11.66
NVB	220.0	1.98
TIG	100.0	0.67

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index đảo chiều đi xuống kể từ cuối phiên sáng. Chỉ số gần như đóng cửa thấp nhất trong phiên tại mức 124.85 điểm (-0.78%). Thanh khoản trên sàn giảm nhẹ với KLGD khớp lệnh đạt 54.4 triệu cổ phiếu (-5.3%), tương đương 623.1 tỷ đồng giá trị (-7.6%).

Áp lực chốt lời sau tuần tăng mạnh trước đó khiến các cổ phiếu trụ trên sàn đồng loạt điều chỉnh kéo chỉ số đi xuống. Trong đó, Ngân hàng Á Châu-ACB (-0.9%), Vinaconex-VCG (-1.7%), Ngân hàng SHB-SHB (-0.7%) gây áp lực chính.

Về diễn biến giao dịch của khối ngoại, khối này đẩy mạnh bán ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 19.0 tỷ đồng (+93.8%). Với Ngân hàng SHB-SHB (-4.9 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (-3.7 tỷ), Cảng Đoạn Xá-DXP (-3.0 tỷ) dẫn đầu đà bán ròng trong khi Thủy lợi Lâm Đồng-LHC (+1.3 tỷ), Bơm Hải Dương-CTB (+0.1 tỷ), Y tế Việt Mỹ-AMV (+0.1 tỷ) được khối này mua vào nhiều nhất.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp. Khối lượng giao dịch duy trì trên bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn ở lại thị trường. Không những vậy, xu hướng chính của chỉ số vẫn là phục hồi, khi chỉ số đang duy trì trên MA5 cùng với chùm MA5,10,20 ở trạng thái phân kỳ dương, kèm theo đường +DI nổi rộng khoảng cách lên phía trên so với -DI cho tín hiệu củng cố xu hướng hiện tại. Tuy nhiên, trên đồ thị nền ngày xuất hiện hai nến Doji liên tiếp cho thấy sự lưỡng lự và giằng co của chỉ số đang diễn ra, do đó, trong trường hợp chỉ số không sớm bứt phá khỏi vùng đỉnh cũ tháng 7 (quanh ngưỡng 880 điểm) thì áp lực chốt lời có thể đẩy chỉ số vào một nhịp điều chỉnh, với vùng 850-860 điểm (MA20 và 50) là hỗ trợ mạnh. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến trái chiều. Mặc dù, xu hướng chính của chỉ số vẫn đang là phục hồi, khi chùm MA5,10,20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực. Tuy nhiên, trên đồ thị nền ngày, xuất hiện hai nến với bóng trên dài, cho thấy áp lực chốt lời gia tăng và lực cầu đang yếu dần, cho thấy chỉ số có thể sẽ chịu sức ép điều chỉnh về vùng 120.6-122 điểm (đỉnh cũ tháng 6/2020) nhằm củng cố cho xu hướng chính bền vững hơn. Nhìn chung, thị trường đang trong xu hướng phục hồi. Tuy nhiên, đà tăng có phần suy giảm và thị trường có thể cần một nhịp điều chỉnh mang tính rũ bỏ trong những phiên tới. Do đó, với các vị thế lướt sóng, nhà đầu tư có thể nên giữ danh mục ở trạng thái chờ chốt lời nhằm ứng phó kịp thời trước biến động của thị trường.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
BCM	33.6	215.4	20.0%
DXV	3.7	48.7	7.0%
VDS	7.1	13.1	7.0%
TNC	23.0	3.7	7.0%
PNC	9.2	0.4	7.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
KPF	14.7	8.3	-7.0%
UDC	5.9	178.5	-7.0%
PTL	7.9	26.4	-7.0%
DAT	39.0	1.7	-6.9%
TTE	14.8	0.1	-6.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	24.6	326.5	1.0%
VNM	121.0	196.6	1.4%
PLX	52.5	191.2	0.4%
CTG	25.7	190.3	2.4%
GEX	22.2	182.5	0.7%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TTF	4.4	22,812.9	6.8%
HPG	24.6	13,334.2	1.0%
PVD	11.3	8,765.1	0.9%
STB	11.2	8,672.8	-1.3%
ITA	4.4	8,354.0	-3.1%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CTP	4.4	216.2	10.0%
LUT	2.2	106.9	10.0%
ADC	15.5	6.9	9.9%
VGP	15.5	2.3	9.9%
TAR	20.1	1,118.1	9.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SD6	2.7	516.6	-10.0%
VC2	12.6	3.5	-10.0%
VNF	28.8	0.1	-10.0%
HMH	9.0	0.1	-10.0%
VNC	31.2	0.6	-9.6%

Top 5 giá trị

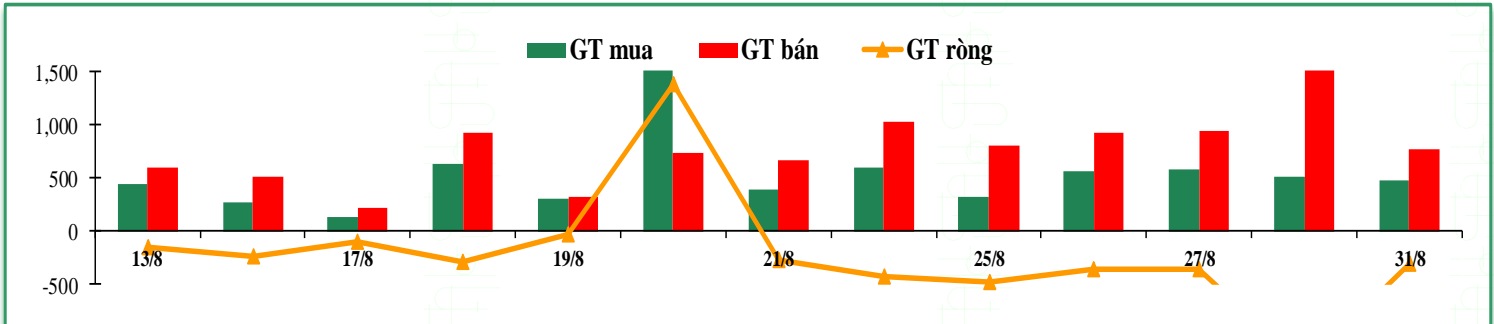
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	21.2	149.1	-0.9%
SHB	13.9	54.1	-0.7%
PVS	12.6	52.3	-0.8%
SHS	11.2	28.4	-2.6%
TAR	20.1	22.2	9.8%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	21.2	7,008.2	-0.9%
PVS	12.6	4,109.9	-0.8%
HUT	2.5	3,929.3	0.0%
SHB	13.9	3,840.8	-0.7%
DST	5.1	2,779.7	-8.9%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	472.7	8.4%	759.7	13.4%	-287.0
HNX	3.4	0.5%	22.3	3.6%	-19.0
Tổng số	476.0		782.0		-306.0



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	52.5	120.5	0.4%
VNM	121.0	78.7	1.4%
VHM	78.5	52.3	-0.1%
CTG	25.7	31.2	2.4%
VRE	27.0	17.3	-0.7%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	78.5	153.5	-0.1%
VNM	121.0	71.4	1.4%
VRE	27.0	64.3	-0.7%
VIC	90.0	56.0	0.1%
VCB	83.0	39.3	-0.5%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	52.5	84.4	0.4%
CTG	25.7	14.4	2.4%
VNM	121.0	7.4	1.4%
HDB	28.4	5.4	0.5%
NLG	27.6	3.8	-1.1%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
LHC	46.4	1.3	0.2%
INN	25.0	0.6	-3.1%
BVS	10.9	0.2	0.9%
CTB	34.5	0.1	9.5%
PVS	12.6	0.1	-0.8%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	13.9	5.0	-0.7%
PVS	12.6	3.8	-0.8%
DXP	12.4	3.1	9.7%
VCS	63.5	2.3	-0.9%
VCG	35.3	1.7	-1.7%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
LHC	46.4	1.3	0.2%
CTB	34.5	0.1	9.5%
AMV	16.9	0.1	1.8%
EID	11.8	0.1	2.6%
VIX	10.3	0.0	0.0%

Tin trong nước

Ngân hàng nào được nói 'room' tín dụng nhiều nhất?

Thống đốc Lê Minh Hưng từng cho biết Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chủ động điều chỉnh chỉ tiêu tín dụng của một loạt ngân hàng thương mại. Các nhà băng sẽ có điều kiện hướng tín dụng vào các lĩnh vực phục vụ cho tăng trưởng kinh tế.

Theo báo cáo của Chứng khoán BSC, nhiều ngân hàng được nói chỉ tiêu thêm chục điểm phần trăm. Trong top được tăng trưởng tín dụng cao nhất có Techcombank, VPBank, VIB, TPBank và HDBank với hạn mức 19-23%.

Nổi bật nhất là VIB được nói thêm 8,5-12,5 điểm phần trăm so với hạn mức ban đầu, trong khi TPBank tăng 7,5-11,5 điểm phần trăm và HDBank thêm 7-12 điểm phần trăm.

VPBank và Techcombank được nâng 6-10 điểm phần trăm và MBB cũng được điều chỉnh "room" tín dụng từ 11,75% lên 20%.

BIDV, VietinBank, Vietcombank, cùng ACB và Eximbank không nói thêm "room". Trong đó, 3 ngân hàng quốc doanh và ACB không xin nâng chỉ tiêu tín dụng.

Nói với *Người Đồng Hành*, ông Nguyễn Quốc Hùng, Vụ trưởng Tín dụng, Ngân hàng Nhà nước (NHNN), cho hay 4 ngân hàng TMCP Nhà nước (bao gồm cả Agribank) không xin nâng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng vì vẫn khó trong giải ngân, dư địa tăng cho vay của nhóm này so với chỉ tiêu từ đầu năm vẫn còn.

Tăng trưởng tín dụng thấp trong bối cảnh suy giảm kinh tế, các ngân hàng cần trọng khi giải ngân và nhu cầu vay đi xuống. Theo thông tin NHNN, tính đến 28/7, tín dụng chỉ tăng 3,45% so với cuối năm 2019, cao hơn 0,2% so với cuối tháng 6 và thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2019 (7,13%), chạm đáy 7 năm gần đây.

Theo ông Hùng, tăng trưởng tín dụng vẫn chủ yếu phụ thuộc và nhóm "Big4". Các ngân hàng nhỏ và vừa, xét về giá trị tuyệt đối tác động tới toàn hệ thống không lớn như 4 ngân hàng quốc doanh, "đơn cử như Agribank, chỉ cần tăng 1%, dư nợ có thể lên 10.000 tỷ đồng".

Báo cáo của BSC nhận định nhu cầu vay vốn mở rộng sản xuất kinh doanh hiện nay đang ở mức thấp, dù nhiều gói hỗ trợ tín dụng với lãi suất ưu đãi được đưa ra. Các ngân hàng cũng không hạ tiêu chuẩn cho vay do e ngại rủi ro, dè dặt hơn trong việc cung ứng vốn ra thị trường nhằm giữ chất lượng tài sản chống chọi qua thời gian khó khăn.

Nhìn chung, sự suy giảm tín dụng một phần đến từ hệ thống cần trọng hơn, tập trung cho vay các doanh nghiệp lớn. Trong 6 tháng, các ngân hàng giảm tỷ trọng cho vay cá nhân và SME. Việc tập trung vào cho vay mảng ít rủi ro hơn sẽ giúp các ngân hàng tránh được các cú "shock" về nợ xấu.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Petrolimex lãi gần 400 tỷ đồng tháng 7, bằng nửa quý II

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex, HoSE: PLX) vừa ghi nhận kết quả kinh doanh tháng 7 với nhiều số liệu tích cực. Sản lượng xuất bán hợp nhất tháng 7 năm 2020 ước đạt hơn 1 triệu m³, tấn, trong đó xuất bán nội địa và tái xuất là 776.326 m³.tấn, đạt 60% kế hoạch năm, sản lượng bán lẻ tăng 3,3% so với tháng 6 và tăng 3% so với cùng kỳ 2019.

Qua đó, tập đoàn ghi nhận doanh thu 9.627 tỷ đồng và lãi trước thuế tập đoàn ước đạt 400 tỷ đồng trong tháng 7. Con số này tương đương 50% lãi quý II và bù đắp rất nhiều số lỗ trong quý I (một phần do trích lập dự phòng hàng tồn kho), giảm lỗ lũy kế 7 tháng 2020 xuống còn 513 tỷ đồng, từng bước hiện thực hóa kế hoạch 2020 trong 5 tháng cuối. Doanh thu 7 tháng đạt hơn 74.800 tỷ đồng, dẫn đầu về quy mô khối doanh nghiệp phi tài chính.

Tại phiên họp ĐHCĐ thường niên 2020, cổ đông đã thông qua chỉ tiêu sản xuất kinh doanh với sản lượng bán xăng dầu hợp nhất gần 11,5 triệu m³.tấn, doanh thu và lợi nhuận hợp nhất lần lượt là 122.000 tỷ đồng và 1.570 tỷ đồng.

Lãi ròng bán niên Vinhomes giảm 323 tỷ đồng sau soát xét

Theo báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2020, Vinhomes (HoSE: VHM) ghi nhận lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ gần 10.279 tỷ đồng, giảm hơn 3% (323 tỷ đồng) so với báo cáo công ty tự lập. Nguyên nhân chủ yếu là do giảm doanh thu tài chính và tăng thêm chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tuy nhiên so với cùng kỳ năm 2019, lợi nhuận của công ty bất động sản vẫn tăng 4,3% (426 tỷ đồng). Doanh thu bán niên giảm 14% so với cùng kỳ còn 22.896 tỷ đồng do những ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Với kết quả sau soát xét, lợi nhuận Vinhomes vẫn dẫn đầu các doanh nghiệp trên sàn chứng khoán và là đơn vị duy nhất có mức lãi bán niên vượt 10.000 tỷ đồng.

Kết quả tăng trưởng so với cùng kỳ nhờ công ty mở bán thành công nhiều tòa căn hộ Vinhomes Ocean Park và Vinhomes Smart City tại thị trường phía Bắc. Doanh nghiệp cũng ra mắt phân khu thấp tầng liên hoàn The Manhattan và The Manhattan Glory tại dự án đại đô thị Vinhomes Grand Park ở khu vực phía Nam.

Năm 2020, công ty bất động sản này đặt mục tiêu đạt 97.000 tỷ đồng doanh thu và lợi nhuận sau thuế 31.000 tỷ đồng. Như vậy, đơn vị đã hoàn thành gần 24% chỉ tiêu doanh thu và gần 36% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

KCN Hiệp Phước tăng lãi hơn 5 lần sau soát xét

Theo báo cáo tài chính kiểm toán bán niên của Công ty Khu công nghiệp Hiệp Phước (UPCoM: HPI), lợi nhuận sau thuế tăng lên 15,4 tỷ đồng, gấp 6,4 lần số liệu trong báo cáo tự lập.

Yếu tố thúc đẩy lợi nhuận là doanh thu tài chính. Công ty đã trích trước 1 phần khoản dự thu của doanh thu hoạt động tài chính, giúp tăng doanh thu này tăng từ 21,3 tỷ đồng trước soát xét lên 32,7 tỷ đồng sau soát xét. Ngoài ra, HPI cũng được hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn 1,5 tỷ đồng.

Nhờ lãi sau soát xét tăng, vốn chủ sở hữu dương 11,1 tỷ đồng, thoát khỏi tình trạng âm 1,8 tỷ đồng. Nhờ đó, cổ phiếu HPI được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đưa ra khỏi diện bị hạn chế giao dịch.

Năm 2020, doanh nghiệp lên kế hoạch tổng doanh thu 516 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 54 tỷ đồng. Như vậy, sau nửa đầu năm, HPI đã thực hiện 31% chỉ tiêu doanh thu và 28,5% chỉ tiêu lợi nhuận.

Công ty Khu công nghiệp Hiệp Phước được thành lập từ năm 2007, là chủ đầu tư dự án khu công nghiệp lớn nhất TP HCM với tổng diện tích 1.686 ha.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DMC	Chốt lời	01/09/20	52.9	52.3	1.1%	58	10.9%	50.3	-3.8%	Tín hiệu yếu đi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Hỗ trợ / Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	PTB	Quan sát mua	01/09/20	50.4	58.5-61	Tín hiệu điều chỉnh tích cực với hai nền nhỏ vol giảm, khả năng sớm tăng trở lại vượt kháng cự 52 -> có thể cân nhắc tham gia khi giá tiếp tục điều chỉnh về vùng 48.5-49.5
2	SJD	Quan sát mua	01/09/20	18.2	19-19.3	Tín hiệu điều chỉnh tích cực với vol giảm dần, khả năng sớm quay lại xu hướng tăng -> có thể cân nhắc tham gia khi giá tiếp tục điều chỉnh về vùng 17.8-18
3	VSC	Quan sát mua	01/09/20	34	35.4	Tín hiệu bước vào nhịp điều chỉnh sau phiên nền đỏ vol cao đột biến -> có thể có nhịp hồi về test đỉnh khi giá giảm về vùng hỗ trợ 32-33
4	ACB	Quan sát mua	01/09/20	21.2	23.6	Nhịp điều chỉnh tích cực với vol có xu hướng giảm dần, khả năng sớm quay lại xu hướng tăng -> có thể cân nhắc tham gia khi giá tiếp tục điều chỉnh về vùng 20-20.5
5	SZC	Quan sát bán	01/09/20	25.95	23	Tín hiệu phá vỡ giả đỉnh cũ kèm vol cao, khả năng tạo đỉnh và bước vào nhịp điều chỉnh khá -> có thể cân nhắc bán ra khi giá hồi phục về vùng 26.1-26.5

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	HPG	Mua	10/08/20	24.55	24.2	1.4%	26.6	9.9%	23.2	-4%	
2	PAC	Mua	13/08/20	23.95	23.6	1.5%	25.9	9.7%	22.3	-6%	
3	SAB	Mua	14/08/20	191.5	183	4.6%	206	13%	177	-3%	
4	FMC	Mua	18/08/20	29	27.7	4.7%	32.3	17%	26.7	-4%	
5	PVT	Mua	18/08/20	11.6	10.8	7.4%	12	11%	10.4	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	DGC	Nắm giữ	20/08/20	38.95	33.45	16.4%	43.5	30%	31.8	-5%
7	VCB	Mua	21/08/20	83	83	0.0%	90	8%	81.7	-2%
8	VRE	Mua	27/08/20	27	27.2	-0.7%	28.6	5%	26.6	-2%

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 31/08/2020								Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,370	-7.4 %	-11%	16,160	107	76,200	262	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	10,910	-6.8 %	49%	3,821	70	49,500	997	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,680	-6.2 %	12%	6,442	59	49,500	1,250	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,670	-8.2 %	-1%	22,647	53	49,500	1,238	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,480	-4.5 %	-1%	9,592	136	49,500	3,360	HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CHDB2005	1,080	600	-4.8 %	-44%	701	35	28,350	288	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	2,140	-5.7 %	-2%	14,417	38	28,350	1,864	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	11,020	4.9 %	425%	1,130	31	24,550	5,599	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2006	1,500	3,920	2.1 %	161%	4,888	16	24,550	1,280	KIS	HPG	22,020	2	16/09/2020
CHPG2008	4,100	3,810	2.7 %	-7%	27,627	91	24,550	75	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	3,870	2.1 %	142%	7,569	59	24,550	1,093	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	5,640	0.7 %	-8%	2,040	140	24,550	676	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	6,880	1.5 %	0%	5,483	92	24,550	1,255	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	6,770	0.5 %	-6%	2,814	231	24,550	1,561	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	6,180	0.7 %	-8%	3,855	182	24,550	1,075	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CHPG2016	2,200	2,560	3.2 %	16%	1,678	136	24,550	5,822	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMBB2003	2,000	1,460	0.7 %	-27%	3,128	70	17,950	447	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	460	-20.7 %	-77%	206	56	17,950	4	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,130	-0.9 %	3%	16,225	59	17,950	771	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,380	-2.8 %	-1%	5,311	136	17,950	6,227	HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	620	-4.6 %	-73%	15,133	107	55,000	13	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2002	2,000	70	-36.4 %	-97%	23,516	16	55,000	(0)	KIS	MSN	62,999	4	16/09/2020
CMSN2004	1,980	100	-28.6 %	-95%	12,802	4	55,000	17	MBS	MSN	55,000	5	04/09/2020
CMSN2005	2,100	600	13.2 %	-71%	91,348	59	55,000	12	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,360	1.5 %	-28%	9,727	136	55,000	8,505	HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMWG2005	2,500	3,390	-8.1 %	36%	177	31	93,400	1,055	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	350	-2.8 %	-83%	1,133	56	93,400	0	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	11,700	-4.0 %	-9%	1,145	91	93,400	7,862	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	1,260	3.3 %	-3%	2,521	57	93,400	887	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	1,740	0 %	9%	39,483	53	93,400	1,471	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	1,750	-3.9 %	25%	17,706	136	93,400	8,082	HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CNVL2001	2,300	-	0 %	-100%	-	107	63,800	185	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,610	-0.8 %	31%	46	191	63,800	1,101	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	700	-23.1 %	-71%	452	31	60,000	0	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	150	36.4 %	-93%	106	56	60,000	0	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	560	-5.1 %	-44%	16,665	59	60,000	142	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	880	-7.4 %	-12%	1,184	136	60,000	5,376	HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CREE2003	1,000	1,510	1.3 %	51%	1,050	59	36,900	1,409	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	2,650	-2.2 %	69%	7,401	53	36,900	2,510	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	1,720	-0.6 %	32%	1,516	136	36,900	8,633	HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	180	-5.3 %	-82%	2,938	107	2,220	(0)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	540	0 %	-81%	79	107	14,350	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	1,100	-9.1 %	-35%	32,609	107	11,200	10,939	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2003	1,360	500	-23.1 %	-63%	33,942	16	11,200	5,193	KIS	STB	11,111	1	16/09/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2004	1,400	1,190	-6.3 %	-15%	19,090	91	11,200	548	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	500	-7.4 %	-54%	1,590	64	11,200	45	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	940	-1.1 %	-37%	1,220	217	11,200	221	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CTCB2003	2,000	300	-14.3 %	-85%	1,340	56	21,300	0	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,720	-6.5 %	-43%	3,608	91	21,300	468	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	1,920	3.2 %	60%	4,669	59	21,300	1,694	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,700	-8.6 %	0%	825	136	21,300	10,148	HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CVHM2001	3,100	970	-7.6 %	-69%	1	107	78,500	24	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	7,910	-2.4 %	-31%	6,081	91	78,500	3,753	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,190	-0.8 %	19%	14,301	59	78,500	886	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	400	2.6 %	-73%	1,533	35	78,500	0	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	1,060	-1.9 %	-24%	3,895	136	78,500	7,577	HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVJC2001	2,400	230	0 %	-90%	796	107	103,000	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	450	25.0 %	-76%	36,665	59	103,000	0	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	140	7.7 %	-92%	12,103	35	103,000	0	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVNM2003	1,450	2,530	1.2 %	74%	7,404	4	121,000	2,703	MBS	VNM	94,000	10	04/09/2020
CVNM2004	17,500	13,060	2.4 %	-25%	2,132	91	121,000	5,675	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,190	4.3 %	46%	8,415	59	121,000	1,850	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	360	0 %	-76%	9,495	35	121,000	0	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	1,320	1.5 %	-45%	2	191	121,000	226	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	1,800	1.1 %	0%	13,030	136	121,000	11,828	HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVPB2006	3,400	1,930	-7.7 %	-43%	2,175	91	23,350	677	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	1,160	-14.1 %	-32%	21,462	59	23,350	583	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,820	-6.7 %	1%	4,575	136	23,350	11,495	HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVRE2003	3,000	360	-5.3 %	-88%	7,884	107	27,000	1	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,020	-9.8 %	-50%	10,819	91	27,000	675	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,200	-4.8 %	9%	53,865	59	27,000	1,028	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	570	-8.1 %	-63%	16,506	217	27,000	144	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2008	1,200	1,020	-6.4 %	-15%	10,014	136	27,000	6,677	HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021
----------	-------	-------	--------	------	--------	-----	--------	-------	-----	-----	--------	---	------------

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
MWG (New)	HOSE	93,400	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
NVL (New)	HOSE	63,800	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
NT2 (New)	HOSE	22,650	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
SCS (New)	HOSE	116,000	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
MSN	HOSE	55,000	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
HPG	HOSE	24,550	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
DHG	HOSE	105,500	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
VTP	UPCOM	105,900	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%
VPB	HOSE	23,350	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
BMP	HOSE	56,000	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
MSH	HOSE	30,750	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%
PNJ	HOSE	60,000	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%
CTR	UPCOM	41,500	42,400	03/08/2020	191	3,152	13,146	20%	8%	16.2	3.4	10%
STK	HOSE	14,900	17,500	03/08/2020	102	1,448	15,252	10%	5%	12.1	1.2	15%
DGW	HOSE	45,800	47,200	28/07/2020	205	4,759	25,703	18%	8%	9.9	1.8	20%
SBT	HOSE	14,350	16,900	21/07/2020	725	1,192	14,313	8%	4%	14.1	1.2	5%
TCM	HOSE	22,350	24,000	14/07/2020	211	3,402	25,343	13%	7%	7.1	0.9	-
VGI	UPCOM	27,900	28,300	10/07/2020	499	387	9,298	2%	1%	73.2	3.1	0%
SAB	HOSE	191,500	157,000	04/07/2020	4,799	7,094	32,249	23%	19%	22.1	4.9	35%
VJC	HOSE	103,000	84,630	01/07/2020	83	153	33,994	0%	0%	553.1	2.5	0%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn